

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AYUNPA
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS-ST

Ngày 16-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AYUNPA, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Siu Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Hoàng Hùng.

Ông Mai Xuân Ninh.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thắng – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2018/TLST-HS ngày 02 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS, ngày 02/3/2018 đối với các bị cáo:

1. **NVT**, sinh năm 1985 tại AN-BĐ. Nơi đăng ký HKTT: Thôn BC, phường ĐĐ, AN, tỉnh BĐ. Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông NVD (đã chết) và bà PTH; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/11/2017, tạm giam từ ngày 30/11/2017 đến nay, có mặt.

2. **NM**, tên gọi khác: D, sinh ngày 04/10/1998 tại IP-GL. Nơi đăng ký HKTT: Bôn T, xã IT, huyện IP, tỉnh GL. Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Jarai; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông KL và bà NH; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ ngày 21/11/2017, tạm giam từ ngày 30/11/2017 đến nay, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà BTP, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh GL là người bào chữa cho bị cáo NM. Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh LHV, sinh năm 1988; trú tại: 51 THĐ, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh NTT, sinh năm 1973 và chị VTQ, sinh năm 1982; trú tại: cùng trú tại 39 HBT, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL. Có mặt.

+ Anh NVH, sinh năm 1989; trú tại: 52 TQT, phường ĐK, thị xã AP, tỉnh GL. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người phiên dịch: Ông RN, nơi cư trú: Tổ 9, phường ĐK, thị xã AP là người phiên dịch tiếng Jarai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6 năm 2017 NVT và NM, tên gọi khác: D cùng làm thuê tại trang trại NG thuộc tổ 1, phường SB, thị xã AP, tỉnh GL do anh NVH làm chủ. Khoảng giữa tháng 11/2017, T đi làm rẫy gần khu vực tập kết rác thải của thị xã AP thuộc thôn K, xã IS, thị xã AP thì thấy một xe máy đào để gần bãi rác không có người trông coi. Khoảng 18h ngày 20/11/2017 sau khi làm xong công việc tại trang trại, T và M ngồi chơi tại bàn ghế đá nói chuyện. Vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lúc này T nảy sinh ý định đi lấy trộm bình ắc quy của xe máy đào để bán lấy tiền tiêu xài nên rủ M cùng tham gia, M đồng ý. Sau đó M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDA màu xanh lục - xám, biển số 81K9-8490 chở T mang theo một chiếc búa đinh, một đèn pin, một cờ lê 13 (tất cả công cụ và xe mô tô là của trang trại NG) đi xuống khu vực tập kết rác nêu trên. Khi đến địa điểm trên khoảng 19h cùng ngày, T và M thấy xe máy đào hiệu KOBELCO của anh LHV đang đậu trong khu vực rẫy của anh NVTr (giáp khu vực tập kết rác) thì M dừng xe mô tô cách máy đào khoảng 30m. T đi quan sát thấy không có người trông coi máy đào, rồi cùng M đi đến máy đào. Tại đây M cầm đèn pin rọi sáng để T sử dụng búa đinh phá khóa chiếc thùng đựng bình ắc quy trong xe máy đào làm chiếc búa bị gãy cán, rồi dùng cờ lê 13 tháo các ốc vít gắn 02 bình ắc quy ra khỏi thùng. Lúc này, T và M mỗi người bê 01 bình ắc quy (đều có đặc điểm màu trắng xanh, nhãn hiệu GS, loại 12V 150Ah) đi ra xe mô tô. M tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T và 02 bình ắc quy đi đến tiệm thu mua phế liệu của vợ chồng anh NTT, chị VTQ bán. Tại đây anh To hỏi T về nguồn gốc 02 bình ắc quy đem bán thì T nói “Bình của nhà do yếu điện, xạc không vào nên bán”. Anh To đồng ý mua 02 bình ắc quy với số tiền 1.750.000 đồng. Chị Q (vợ anh To) là người trả tiền cho T và M số tiền trên. Sau đó T, M về trang trại NG chia nhau số tiền nêu trên mỗi người 850.000 đồng, còn 50.000 đồng mua nước ngọt cùng nhau uống.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 26/KL-HĐĐG ngày 22/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã AP, tỉnh GL kết luận: 02 (hai) bình ắc quy màu trắng xanh, nhãn hiệu GS, loại 12V 150 Ah (đã qua sử dụng) có trị giá là 5.225.000 đồng.

Tại phiên tòa các bị cáo NVT và NM đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố.

Tại bản Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 01/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP truy tố các bị cáo NVT và NM về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm, quyết định truy tố đối với các bị cáo NVT và NM về tội danh, điều luật áp dụng theo như bản Cáo trạng và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo NVT 07 (bảy) đến 10 (mười) tháng tù.
- Xử phạt bị cáo NM, tên gọi khác: Du 06 (sáu) đến 09 (chín) tháng tù.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.220.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có.

Về biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền 530.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có đã tiêu xài hết để sung quỹ nhà nước, trong đó NVT phải nộp lại 355.000 đồng và NM phải nộp lại 175.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Anh LHV, anh NTT và chị VTQ không yêu cầu gì đối với các bị cáo NVT và NM nên không đề cập đến.

* Tại phiên tòa, bà BTP là người bào chữa cho bị cáo NM trình bày: Về tội danh, điều luật áp dụng thống nhất như Viện kiểm sát nhân dân thị xã AP đã truy tố đối với bị cáo NM về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thống nhất như Viện kiểm sát áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo NM vì bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tại phiên tòa người bị hại là anh LHV xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Tuy nhiên đề nghị HĐXX xem xét, áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo NM vì bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc thiệt hại không lớn, tài sản trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho người bị hại và các tình tiết giảm nhẹ khác như: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội vì bị rủ rê, lôi kéo, hành vi của bị cáo là giúp sức nên ít nguy hiểm hơn bị

cáo T, công cụ phạm tội do bị cáo T chuẩn bị; bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Do bị cáo NM có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo NM mức án dưới khung hình phạt là 05 tháng tù giam cũng đủ răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Về các nội dung khác bà BTP cũng thống nhất như đề nghị của Kiểm sát viên.

Các bị cáo NVT và NM trình bày lời nói sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Ayun Pa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ayun Pa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo NVT và NM tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa, hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện:

Vào khoảng 19 giờ ngày 20/11/2017 tại khu vực rẫy của ông NVTr thuộc Bôn K, xã IS, thị xã AP, tỉnh GL, các bị cáo NVT và NM đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút lấy trộm 02 bình ắc quy đều có đặc điểm màu trắng xanh, nhãn hiệu GS, loại 12V 150 Ah trong xe máy đào hiệu KOBELCO của anh LHV có trị giá 5.225.000 đồng sau đó đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Do đó có đủ cơ sở kết luận hành vi phạm tội của các bị cáo NVT và NM đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Các bị cáo NVT và NM nhận thức được quyền sử hữu về tài sản của người khác luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tuy nhiên để có tiền tiêu xài các bị cáo đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét thấy đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng cố ý tham gia thực hiện tội phạm

nhưng vai trò, mức độ và hành vi phạm tội của từng bị cáo có sự khác nhau. Cụ thể bị cáo NVT là người giữ vai trò chính, khởi xướng, rủ rê bị cáo NM tham gia thực hiện việc trộm cắp tài sản, bị cáo là người chuẩn bị công cụ phạm tội và là người thực hành tích cực nhất, trực tiếp sử dụng búa đinh phá khóa thùng đựng bình ắc quy, dùng cờ lê tháo các ốc vít để lấy trộm 02 bình ắc quy. Bị cáo NM khi được bị cáo T rủ đi trộm cắp đã không từ chối, can ngăn mà thống nhất ý chí, hưởng ứng tham gia tích cực, bị cáo là người chuẩn bị phương tiện là xe mô tô để chở T đến địa điểm trộm cắp, tham gia giúp T tháo lấy 02 bình ắc quy và chở tài sản trộm cắp đi tiêu thụ. Hành vi phạm tội của các bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, mà còn gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần phải có hình phạt nghiêm, cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian, để các bị cáo có thời gian cải tạo, tu dưỡng, giáo dục trở thành người tốt cho xã hội như vậy mới có tính răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo NVT và NM đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tại phiên tòa người bị hại là anh LHV xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó cần áp dụng các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho các bị cáo.

[6] Đối với vợ chồng anh NTT, chị VTQ là người đã mua 02 chiếc bình ắc quy do các bị cáo phạm tội mà có đem bán, tuy nhiên khi mua anh To, chị Q có hỏi các bị cáo về nguồn gốc của tài sản và không biết đó là tài sản do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý. Tại phiên tòa anh To, chị Q không có yêu cầu gì đối với các bị cáo nên không đề cập giải quyết.

[7] Đối với anh NVH là chủ sở hữu đối với các tài sản gồm 01 xe mô tô hiệu HONDA màu xanh lục-xám, biển số 81K9-8490, 01 búa đinh (bị gãy cán); 01 cờ lê 13; 01 đèn pin màu đen và 02 áo thun. Xét thấy anh H không biết các bị cáo sử dụng các tài sản trên vào việc phạm tội nên không có căn cứ để xử lý.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh LHV đã được nhận lại tài sản, tại phiên tòa anh V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét đến.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng gồm: 02 bình ắc quy đều có đặc điểm màu trắng xanh, nhãn hiệu GS, loại 12V 150Ah là tài sản của anh LHV; 01 xe mô tô hiệu HONDA màu xanh lục-xám, biển số 81K9- 8490; 01 búa đinh (bị gãy cán); 01 cờ lê 13; 01 đèn pin màu đen và 02 áo thun là tài sản của anh NVH. Trong quá trình điều tra cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ayun Pa đã ra

quyết định xử lý vật chứng, trả lại các tài sản nêu trên cho anh LHV và anh NVH là chủ sở hữu. Hiện các anh V và H đều không có ý kiến gì nên không xem xét đến.

[10] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.220.000 đồng đã thu giữ, trong đó của NM là 700.000 đồng và NVT là 520.000 đồng. Xét thấy đây là tiền các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 530.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có đã tiêu xài hết cần truy thu để sung quỹ Nhà nước, trong đó NVT phải nộp lại 355.000 đồng và NM phải nộp lại 175.000 đồng.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo NVT và NM, tên gọi khác: D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo NVT 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 21/11/2017.

- Xử phạt bị cáo NM, tên gọi khác: D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 21/11/2017.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước đối với số tiền 1.220.000 đồng.

Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/02/2018 giữa Công an thị xã Ayun Pa và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ayun Pa.

- Truy thu số tiền 530.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có đã tiêu xài hết để sung quỹ Nhà nước, trong đó NVT phải nộp lại 355.000 đồng và NM, tên gọi khác: D phải nộp lại 175.000 đồng.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo NVT và NM, tên gọi khác: D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Công an thị xã Ayun Pa;
- VKSND thị xã Ayun Pa;
- Người bị hại; người tham gia tố tụng khác;
- Chi cục THADS thị xã Ayun Pa;
- Lưu hồ sơ/VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

SIU LANH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Hoàng Hùng

Mai Xuân Ninh

Siu Lanh

